

Số: ~~100~~ QĐ-UBND

Sơn Kim 1, ngày 10 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách xã quý II năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, ngày 29/12/2020 của HĐND xã Sơn Kim 1 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu báo cáo thu, chi ngân sách xã quý II năm 2021 với số liệu tổng hợp như sau:

A. Tổng thu ngân sách xã quý II: 8.671.942.020 đồng

(Tám tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm hai mươi đồng)

Trong đó: - Thu tại xã: 2.100.000 đồng
- Thu điều tiết từ các khoản thuế 419.144.120 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.996.900.500 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm đồng

B. Tổng chi ngân sách quý II 2021 : 5.258.646.000 đồng.

(Năm tỷ hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó: - Chi xây dựng cơ bản: 671.000.000 đồng
- Chi thường xuyên: 4.587.646.000 đồng
- Chi dự phòng

(Số liệu cụ thể có báo cáo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Tài chính - Kế toán, các tổ chức, ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Hương Sơn;
- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Thôn trưởng
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thư

BIÊN BẢN (số 03)

Niêm yết công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách quý II năm 2021

I. Thời gian: ngày 10 tháng 7 năm 2021

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 9 thôn

IV. Nội dung:

1. Ông: Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách xã quý II năm 2021

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1, trên công thông tin của xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

- Thời gian niêm yết: từ ngày 10/7/2021 đến ngày 31/7/2021

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã, Ban tài chính xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn 11 h 30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



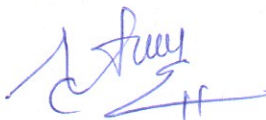
Lê Thị Thu Hà

Chủ tịch



Hoàng Văn Thư

Thanh tra nhân dân



Nguyễn Thị Thúy

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Kim 1

Mẫu số: B02b-X
(Ban hành theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC
ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng BTC & sửa đổi,
bổ sung theo Thông tư số 146/2011/TT-BTC
ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO NỘI DUNG KINH TẾ

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã số	Dự toán năm	Thực hiện		So sánh thực hiện từ đầu năm với dự toán năm (%)
				Trong quý	Lũy kế từ đầu năm	
A	B	C	1	2	3	4
	Tổng chi ngân sách xã	100	5.894.227.000	5.258.646.000	8.102.452.400	137.5
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	200	5.894.227.000	5.258.646.000	8.102.452.400	137.5
I	Chi đầu tư phát triển (1)	300	268.000.000	671.000.000	2.021.000.000	754.1
1	Chi đầu tư XDCB	310	268.000.000	671.000.000	2.021.000.000	754.1
2	Chi đầu tư phát triển khác	320				
II	Chi thường xuyên	400	5.626.227.000	4.587.646.000	6.081.452.400	108.1
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	410	657.928.000	113.534.000	186.397.000	28.3
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	411	455.468.000	67.019.000	130.597.000	28.7
12	Chi sự nghiệp An ninh	412	202.460.000	46.515.000	55.800.000	27.6
2	Chi sự nghiệp giáo dục	420	21.788.000			
3	Chi sự nghiệp y tế	430	52.276.000	1.000.000	1.000.000	
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	440	100.000.000			
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	450	70.000.000			
6	Sự nghiệp kinh tế	460	298.000.000	3.423.092.000	3.511.077.000	1178.2
61	SN giao thông	461	220.000.000			
62	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	462	20.000.000	3.423.092.000	3.511.077.000	17555.4
63	SN thị chính	463				
64	Thương mại, dịch vụ	464				
65	Chi sự nghiệp môi trường	465	48.000.000			
66	Các sự nghiệp khác	466	10.000.000			
7	Sự nghiệp xã hội	470	174.332.000	54.272.000	102.894.000	59.0
71	Hưu xã và trợ cấp khác	471	34.332.000	8.583.000	17.166.000	50.0
72	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội	472	130.000.000		14.900.000	11.5
73	Khác	473	10.000.000	45.689.000	70.828.000	708.3
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	480	4.251.903.000	995.748.000	2.280.084.400	53.6
	Trong đó: Quỹ lương	481				
81	Quản lý nhà nước	482	2.831.695.000	675.009.000	1.653.001.400	58.4
811	Hội đồng nhân dân	4821	507.216.000	49.952.000	99.904.000	19.7
812	Ủy ban nhân dân	4822	2.324.479.000	625.057.000	1.553.097.400	66.8
82	Đảng cộng sản Việt Nam	483	593.628.000	171.896.000	312.294.000	52.6
83	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	484	223.764.000	30.153.000	61.306.000	27.4
84	Đoàn Thanh niên CSHCM	485	115.808.000	21.530.000	51.060.000	44.1
85	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	486	136.244.000	26.835.000	57.670.000	42.3
86	Hội cựu chiến binh Việt Nam	487	120.244.000	15.890.000	32.839.000	27.3
87	Hội Nông dân Việt Nam	488	140.244.000	26.679.000	56.358.000	40.2
88	Các tổ chức xã hội khác	489	90.276.000	27.756.000	55.556.000	61.5

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Kim 1

9	Chi khác	490	25.000.000			0
III	Dự phòng	500	128.468.500			0
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)	550				0
B	Tạm chi ngân sách đã qua Kho bạc	600				0
1	Tạm ứng XD CB	610				0
2	Tạm chi	620				0

(1) Chỉ áp dụng đối với cấp ngân sách xã, thị trấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Khuyến

....., ngày 10 tháng 7... năm 2021

Chủ tịch UBND xã

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàng Văn Thư

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Kim 1

Mẫu số: B02a-X

(Ban hành theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC
ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng BTC & sửa đổi,
bổ sung theo Thông tư số 146/2011/TT-BTC
ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH XÃ THEO NỘI DUNG KINH TẾ

Quý II năm 2021

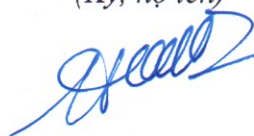
Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã số	Dự toán năm	Thực hiện		So sánh thực hiện từ đầu năm với dự toán năm (%)
				Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	
A	B	C	1	2	3	4
	Tổng số thu ngân sách xã	100	6.047.695.500	8.671.942.020	10.771.450.887	178.11
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	200	6.047.695.500	8.671.942.020	10.771.450.887	178.11
I	Các khoản thu 100%	300	62.000.000	2.100.000	25.570.000	41.24
1	Phí, lệ phí	320	37.000.000	2.100.000	13.500.000	36.49
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	330	25.000.000		12.070.000	48.28
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	340				
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định	350				
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	360				
6	Thu kết dư ngân sách năm trước	380				
7	Thu khác	390				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	400	429.900.000	419.144.120	470.332.987	109.41
1	Thuế thu nhập cá nhân	420				
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	430	1.000.000			0.00
3	Thu phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	440			8.522.450	
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	450				
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	460	60.000.000	4.421.856	4.421.856	7.37
6	Thu tiền sử dụng đất	461	250.000.000			0.00
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	462	18.000.000	1.620.222	1.620.222	9.00
8	Thuế tài nguyên	463	2.000.000			0.00
9	Thuế giá trị gia tăng, TNDN	464	98.900.000	413.102.042	455.768.459	460.84
10	Thuế tiêu thụ đặc biệt	465				
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	500	5.555.795.500	6.996.900.500	9.021.750.500	162.38
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	510	5.555.795.500	1.388.948.500	2.388.948.500	43.00
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	520		5.607.952.000	6.632.802.000	
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	600				0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)	650		1.253.797.400	1.253.797.400	0
B	Tạm thu Ngân sách đã qua KB	700				0

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Kim 1

(1) Chỉ áp dụng đối với cấp ngân sách xã, thị trấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Khuyến

....., ngày 10 tháng 7 năm 2021

Chủ tịch UBND xã

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàng Văn Thư